SỞ GD&ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

Số: 280 /QĐ- CVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của trường THPT Chu Văn An

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1933/QĐ-SGDĐT ngày 18 tháng 08 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của kế toán trường THPT Chu Văn An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2026 của Trường THPT Chu Văn An (*đính kèm biểu số 74).*

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai:

- Hình thức: Đăng tải trên trang Web của đơn vị, dán thông báo bảng tin phòng hội đồng, niêm yết bảng tin tại trụ sở đơn vị.
- Thời gian công khai 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.
- Địa điểm công khai: tại Trường THPT Chu Văn An

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ Văn phòng và các tổ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Sở GDĐT (báo cáo);
- Website trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

Tạ Ngọc Trí

Đơn vị: Trường THPT Chu Văn An
Chương: 422

Mẫu biểu số 74

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 20...../QĐ-CVA ngày 1/08/2026 Của Trường THPT Chu Văn An)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	**Lệ phí**	
2	**Phí**	
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	
1	***Chi sự nghiệp***	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	**Lệ phí**	
2	**Phí**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**(123)**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**(123)**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**(123)**
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	(123)
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	

6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1933 /QĐ-SGDĐT

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026

(Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước Khu vực III tại Thông báo số 349/TB-KV III ngày 20/7/2026 về kết quả kiểm toán tại Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 349/TB-KV III ngày 20/7/2026 của Kiểm toán nhà nước Khu vực III về kết quả kiểm toán tại Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc Sở để thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước Khu vực III tại Thông báo số 349/TB-KV III ngày 20/7/2026 về kết quả kiểm toán tại Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi, chi tiết tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 được điều chỉnh giảm tại Điều 1 Quyết định này, Văn Phòng Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng các phòng thuộc Sở, Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- KBNN Khu vực XV *(địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)*;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Các Phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, TC(lttt).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Ngọc Thái

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
14)	**Trường THPT Nguyễn Công Phương**	**79**	
	Mã ĐV có QHNS:1082274		
	Chương 422 Loại 070 Khoản 074		
	Mã số KBNN nơi giao dịch: 2117-Phòng Giao dịch số 20-KBNN khu vực XV		
	Kinh phí từ ngân sách cấp:	**79**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	79	
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	*79*	
	- Chi hoạt động		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
15)	**Trường THPT số 1 Tư Nghĩa**	**152**	
	Mã ĐV có QHNS :1082369		
	Chương 422 Loại 070 Khoản 074		
	Mã số KBNN nơi giao dịch: 2118-Phòng Giao dịch số 19-KBNN khu vực XV		
	Kinh phí từ ngân sách cấp:	**152**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	152	
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	*152*	
	- Chi hoạt động		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
16)	**Trường THPT số 2 Tư Nghĩa**	**135**	
	Mã ĐV có QHNS :1082368		
	Chương 422 Loại 070 Khoản 074		
	Mã số KBNN nơi giao dịch: 2118-Phòng Giao dịch số 19-KBNN khu vực XV		
	Kinh phí từ ngân sách cấp:	**135**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	135	
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	*122*	
	- Chi hoạt động	*13*	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
17)	**Trường THPT Thu Xà**	**117**	
	Mã ĐV có QHNS :1082367		
	Chương 422 Loại 070 Khoản 074		
	Mã số KBNN nơi giao dịch: 2118-Phòng Giao dịch số 19-KBNN khu vực XV		
	Kinh phí từ ngân sách cấp:	**117**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	117	
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	*117*	
	- Chi hoạt động		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
18)	**Trường THPT Chu văn An**	**123**	
	Mã ĐV có QHNS:1082273		
	Chương 422 Loại 070 Khoản 074		
	Mã số KBNN nơi giao dịch: 2118-Phòng Giao dịch số 19-KBNN khu vực XV		
	Kinh phí từ ngân sách cấp:	**123**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	123	
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	*123*	

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
19)	**Trường THPT Phạm Văn Đồng**	**134**	
	Mã ĐV có QHNS :1082544		
	Chương 422 Loại 070 Khoản 074		
	Mã số KBNN nơi giao dịch: 2118-Phòng Giao dịch số 19-KBNN khu vực XV		
	Kinh phí từ ngân sách cấp:	**134**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	134	
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	*121*	
	- Chi hoạt động	*13*	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
20)	**Trường THPT Số 2 Mộ Đức**	**161**	
	Mã ĐV có QHNS :1082543		
	Chương 422 Loại 070 Khoản 074		
	Mã số KBNN nơi giao dịch: 2118-Phòng Giao dịch số 19-KBNN khu vực XV		
	Kinh phí từ ngân sách cấp:	**161**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	161	
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	*123*	
	- Chi hoạt động	*38*	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
21)	**Trường THPT Trần Quang Diệu**	**138**	
	Mã ĐV có QHNS :1082473		
	Chương 422 Loại 070 Khoản 074		
	Mã số KBNN nơi giao dịch: 2118-Phòng Giao dịch số 19-KBNN khu vực XV		
	Kinh phí từ ngân sách cấp:	**138**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	138	
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	*126*	
	- Chi hoạt động	*12*	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
22)	**Trường THPT Nguyễn Công Trứ**	**81**	
	Mã ĐV có QHNS:1082272		
	Chương 422 Loại 070 Khoản 074		
	Mã số KBNN nơi giao dịch: 2118-Phòng Giao dịch số 19-KBNN khu vực XV		
	Kinh phí từ ngân sách cấp:	**81**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	81	
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	*81*	
	- Chi hoạt động		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
23)	**Trường THPT số 1 Đức Phổ**	**197**	
	Mã ĐV có QHNS :1082472		
	Chương 422 Loại 070 Khoản 074		
	Địa điểm KBNN nơi giao dịch : 2120 - Phòng Giao dịch số 21-KBNN khu vực XV		
	Kinh phí từ ngân sách cấp:	**197**	
		197	